

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12-4-2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ - TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Sơn, bà Triệu Thị Liên;

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quán - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Sùng Văn M, sinh năm 1985; địa chỉ: Xã C, huyện H, tỉnh H. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Chị Giàng Thị S, sinh năm 1987; địa chỉ: Xã C, huyện H, tỉnh H. Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2022, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Sùng Văn M trình bày: Ngày 15/11/2005, anh M và chị Giàng Thị S cùng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện H, tỉnh H. Anh M chị S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị cùng chung sống với nhau tại thôn Mỏ Phìn, xã C, huyện H, tỉnh H và chung sống hạnh phúc với nhau, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Trong thời gian hôn nhân vợ chồng anh chị sinh được 02 con chung là cháu Sùng Seo V sinh ngày 01/9/2005 và cháu Sùng Thị A sinh ngày 23/7/2008. Đến tháng 3/2010, vợ anh đã tự ý bỏ nhà đi không ai biết lý do và không biết tin tức chị S đi đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Sau khi chị S bỏ đi, anh và gia đình hai bên đã cùng nhau tìm kiếm nhưng không có kết quả. Ngày 18/5/2022, anh đã yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích, đến ngày 07/10/2022 Tòa

án nhân dân (TAND) huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định số 04/2022/QĐST-DS về việc tuyên bố chị Giàng Thị S mất tích. Kể từ khi Quyết định số 04/2022/QĐST-DS ngày 07/10/2022 của TAND huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang có hiệu lực pháp luật đến nay anh cũng không thấy chị S trở về. Bản thân anh thấy rằng, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị S nay không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không tồn tại nên anh đề nghị TAND huyện Hoàng Su Phì giải quyết ly hôn giữa anh với chị Giàng Thị S.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Sùng Seo V sinh ngày 01/9/2005 và cháu Sùng Thị A sinh ngày 23/7/2008. Kể từ khi chị S bỏ nhà đi, 02 con đều do anh nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nay chị S mất tích nên anh đề nghị sau khi ly hôn anh tự nguyện cấp dưỡng và được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con; anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Anh chị không có tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản xác minh về nhân thân, nơi cư trú cuối cùng của bị đơn Giàng Thị S thể hiện: Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay, chị S đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho chị Giàng Thị S và đưa vụ án ra xét xử.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của chị Giàng Thị S ở tại xã C, huyện H, tỉnh H. Trưởng thôn thôn Mỏ Phìn xác nhận anh Sùng Văn M và chị Giàng Thị S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện H, tỉnh H. Ngày 15/11/2005, anh M và chị S có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã C và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống với nhau, trong thời gia hôn nhân vợ chồng anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Đến tháng 03/2010, không biết lý do gì chị S tự ý bỏ nhà đi khỏi địa phương không ai biết thông tin chị S đi đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Sau khi chị S bỏ đi, anh M và gia đình hai bên đã cùng nhau tìm kiếm nhưng không có kết quả. Ngày 18/5/2022, anh M đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Giàng Thị S mất tích. Về mâu thuẫn vợ chồng, khi còn chung sống như thế nào thì thôn cũng không nắm được. Trong quá trình chung sống, anh M chị S có 02 con chung là cháu Sùng Seo V sinh ngày 01/9/2005 và cháu Sùng Thị A sinh ngày 23/7/2008, hiện nay 02 cháu do anh M chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Sùng Văn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và nêu ý kiến là giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và phân trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn chị Giàng Thị S vắng mặt không có lý do, vì vậy không có ý kiến, đề nghị gì.

Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đề nghị HĐXX căn cứ vào các điều 28, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật Tố

tụng dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Sùng Văn M về việc ly hôn giữa anh Sùng Văn M với chị Giàng Thị S. Về con chung: Giao 02 cháu Sùng Seo V sinh ngày 01/9/2005 và cháu Sùng Thị A sinh ngày 23/7/2008 cho anh Sùng Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Không có nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Anh M được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Sùng Văn M có đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” với bị đơn chị Giàng Thị S, chị S có nơi cư trú cuối cùng tại thôn M, xã C, huyện H, tỉnh H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn anh Sùng Văn M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Giàng Thị S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Sùng Văn M và chị Giàng Thị S xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng, chung sống hạnh phúc thời gian đầu, không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn nhưng không rõ lý do gì chị S đã tự ý bỏ nhà đi và không nói gì với anh M và gia đình, anh M và hai bên gia đình đã đi tìm kiếm chị S nhưng không có kết quả nên đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố chị Giàng Thị S mất tích. Ngày 07/10/2022 Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định số 04/2022/QĐST-DS về việc tuyên bố chị Giàng Thị S mất tích. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa anh M và chị S không đạt được, không có sự vun đắp, chia sẻ cùng nhau, chung sống với nhau một thời gian, chị S đã bỏ đi không quan tâm đến chồng, con và gia đình. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Sùng Văn M được ly hôn chị Giàng Thị S là có cơ sở.

[4] Về con chung: Anh M và chị S có 02 con chung là cháu Sùng Seo V sinh ngày 01/9/2005 và cháu Sùng Thị A sinh ngày 23/7/2008. Hiện nay 02 cháu V và

Anh đang sống chung với anh M và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh M. Xét thấy từ khi chị S bỏ đi không trở về thăm con, 02 cháu từ nhỏ đến nay đều do anh M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và có cuộc sống ổn định. Do vậy, căn cứ theo nguyện vọng của 02 cháu V và A, để đảm bảo cho 02 cháu có điều kiện sống tốt nhất, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh M được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Sùng Seo V sinh ngày 01/9/2005 và cháu Sùng Thị A sinh ngày 23/7/2008 đến tuổi trưởng thành. Việc anh M không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi 02 con là tự nguyện nên cần được công nhận.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Do anh Sùng Văn M thuộc hộ nghèo, là dân tộc thiểu số sinh sống ở xã khu vực III có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên anh M được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đồng thuận với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Sùng Văn M. Xử cho anh Sùng Văn M được ly hôn với chị Giàng Thị S.

2. *Về con chung:* Giao 02 cháu Sùng Seo V sinh ngày 01/9/2005 và cháu Sùng Thị A sinh ngày 23/7/2008 cho anh Sùng Văn M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu V và cháu A đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. *Về án phí:* Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Sùng Văn M.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hoàng Su Phì;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Hoàng Su Phì;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phương